



CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

ThS. NGUYỄN NHƯ SANG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục

Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục là một nội dung quan trọng của chính sách giáo dục. Phát triển giáo dục và thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục - đào tạo là cơ sở để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn vốn văn hoá cho đồng bào các dân tộc. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục là việc đảm bảo cơ hội học tập, cơ hội đến trường cho tất cả mọi người, từ miền xuôi đến miền ngược, từ trẻ em bình thường đến trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay thuộc diện chính sách được Nhà nước và cộng đồng tạo điều kiện, hỗ trợ để học tập.

Trong định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, văn kiện Hội nghị Ban chấp hành Trung Ương Đảng chỉ rõ: "Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục - đào tạo. Tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm cho những người học giỏi phát triển tài năng là một trong những tư tưởng chỉ đạo phát triển giáo dục trong thời kì này".

Điều 10 Luật Giáo dục (năm 2005) nêu rõ: "Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập".

2. Thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục Trung học cơ sở ở Điện Biên

Điện Biên là địa bàn sinh sống của 19 dân tộc. Trong đó, dân tộc Thái chiếm 37,99%, H'Mông 34,8%, Kinh 18,42%, Khơ Mú 3,2%, còn lại là các dân tộc khác. Bên cạnh sự phong phú về bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số (DTTS), Điện Biên cũng gặp không ít khó khăn trong việc thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục nói chung và giáo dục Trung học cơ sở (THCS) nói riêng. Trong những năm gần đây, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc tỉnh Điện Biên đã có nhiều thay đổi. Trình độ dân trí, học vấn của nhân dân đã được nâng cao. Tuy nhiên, so với trình độ dân trí và phát triển giáo dục giữa các vùng trong cả nước thì khoảng cách chênh lệch còn rất lớn. Ở các huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh, đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội còn thấp, điều kiện học tập thiếu thốn, trình độ dân trí còn nhiều hạn chế.

Thực trạng giáo dục ở các vùng đồng bào DTTS

hiện nay cũng như vấn đề thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục giữa các dân tộc ở tỉnh Điện Biên còn nhiều bất cập.

Việc chuyển tiếp của học sinh (HS) từ Tiểu học lên THCS ở vùng dân tộc nói chung và Điện Biên nói riêng trong những năm qua còn rất thấp. Đặc biệt là tỉ lệ nhập học của trẻ em gái. Điều kiện kinh tế, tự nhiên, khoảng cách từ nhà đến trường, tập tục văn hóa và nhất là rào cản về ngôn ngữ,... ảnh hưởng trực tiếp tới tỉ lệ nhập học của HS dân tộc. Cơ hội tiếp cận giáo dục của HS còn nhiều khó khăn. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến bất công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục. So với các tỉnh đồng bằng, giáo dục THCS của Điện Biên còn rất nhiều khó khăn với tỉ lệ hộ nghèo cao, số xã thuộc diện đặc biệt khó khăn lớn. Ở cấp học này, nguy cơ bỏ học, tình trạng đi học không chuyên cần là rất lớn bởi các em đang ở độ tuổi có khả năng lao động giúp gia đình.

Bài viết này đề cập tới vấn đề khảo sát tình hình thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục THCS ở Điện Biên theo 3 tiêu chí: Công bằng về giới trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS; công bằng giữa thành thị và nông thôn trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS; công bằng với HS người DTTS/các nhóm dân tộc trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS.

2.1. Công bằng về giới trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS

Tỉ lệ HS học THCS so với tổng dân số trong độ tuổi từ 11 đến 14 tuổi ở Điện Biên từ năm học 2005 - 2006 đến năm 2010 - 2011 liên tục tăng qua các năm. Công tác phổ cập giáo dục THCS, tỉ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 đạt 95,8%, tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS năm 2012 - 2013 đạt 98,2%, tỉ lệ trẻ 15 - 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS đạt 83,8%. Tuy nhiên, tỉ lệ HS nữ theo học THCS thấp hơn so với HS nam. Điều này cho thấy còn khoảng cách về công bằng giới trong giáo dục.

HS đi học THCS đúng độ tuổi tăng dần. Năm học 2005 - 2006, công tác này mới chỉ đạt 55% đến năm học 2010 - 2011 đã đạt 81,5%. Tỉ lệ này cho thấy công tác phổ cập THCS đúng độ tuổi ở Điện Biên được triển khai rất hiệu quả. Đây là một bước tiến dài của công tác phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi tại Điện Biên. Tuy nhiên, tỉ lệ đi học đúng độ tuổi của HS nam cao hơn HS nữ.

Tỉ lệ HS lưu ban ở cấp THCS biến động từ 0,8 đến

1,3%, cao nhất năm học 2008 - 2009 là 2,4%. Tỷ lệ lưu ban ở nam cao hơn ở nữ, điều này cho thấy các em nữ chăm học hơn các em nam. Thể hiện thông qua bảng 1.

Tỷ lệ HS bỏ học ở cấp THCS của tỉnh dao động trong khoảng từ 1,8 - 2,1%. Tỷ lệ trẻ em bỏ học tăng dần theo độ tuổi, càng học lên cao thì tỷ lệ bỏ học càng cao, nghiêng về phía trẻ em gái. Nguyên nhân chính là do ở bậc THCS đến lớp 8, 9, các em là lực lượng lao động chính trong gia đình. Đến thời vụ, các em phải nghỉ học để tham gia lao động giúp gia đình hoặc những tháng giáp hạt, các em HS phải nghỉ học đi làm thuê để kiếm tiền mua gạo. Để giải quyết khó khăn của gia đình, thường các em gái phải chịu thiệt thòi hơn các em trai. Đây là hậu quả của tư tưởng "trọng nam"- tồn dư của tư tưởng phong kiến để lại.

2.2. Công bằng giữa thành thị và nông thôn trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS

Bảng 2 cho thấy, các chỉ số về tỷ lệ trẻ đi học trong độ tuổi 11 - 14 tuổi giữa khu vực thành thị và nông thôn của tỉnh Điện Biên có sự chênh lệch khá

lớn. Ở khu vực nông thôn: Chỉ số HS đi học thấp hơn khu vực thành thị là 21,2%; thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước 18,4%. Tỷ lệ bỏ học khu vực nông thôn thấp hơn thành thị là 9,5%; thấp hơn so với cả nước 6,7%. Tỷ lệ dân số chưa từng đi học ở nông thôn cao hơn thành thị là 11,7%; cao hơn cả nước 10,7%. Các tỷ lệ của khu vực thành thị tỉnh Điện Biên tương đương với tỷ lệ mặt bằng chung của cả nước. Các chỉ số này cho thấy cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS của dân số ở vùng nông thôn còn khoảng cách khá xa so với khu vực thành thị.

2.3. Công bằng với HS người DTTS/các nhóm dân tộc trong cơ hội tiếp cận với giáo dục THCS

Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ HS học THCS là người dân tộc liên tục tăng qua các năm từ 74,6% (năm học 2005 - 2006) lên 89,4% (năm học 2010 - 2011). Tỷ lệ HS học THCS là người dân tộc liên tục tăng. Điều này minh chứng cho các chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho đồng bào dân tộc ngày một hiệu quả cao. Đồng bào các DTTS càng ngày càng được tiếp cận hơn với giáo dục nói chung và giáo dục THCS nói riêng. Vấn đề công bằng trong giáo dục ngày một tốt hơn.

Bảng 1: Tỷ lệ lưu ban phân theo giới tính

Chỉ số	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	Ghi chú
HS lưu ban trong đó:	0,8%	1,0%	1,2%	2,4%	1,3%	0,9%	Số HS lưu ban/số HS học THCS
Nữ	25,7%	31,5%	19,8%	33,9%	27,0%	24,0%	HS lưu ban là nữ/số HS lưu ban
Nam	74,3%	68,5%	80,2%	66,1%	73,0%	76,0%	HS lưu ban là nam/số HS lưu ban

Bảng 2: Tình trạng đi học THCS của dân số 11 - 14 tuổi năm 2009 của Điện Biên

	Tỷ lệ HS đi học	Tỷ lệ bỏ học	Chưa từng đi học
Khu vực thành thị	95,7%	3,2%	1,1%
Khu vực nông thôn	74,5%	12,7%	12,8%
Cả nước	92,9%	6%	1,3%

Bảng 3: Tỷ lệ HS học THCS là người dân tộc

Chỉ số	2005-2006	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	Ghi chú
HS THCS là người dân tộc	74,6%	75,6%	76,7%	78,8%	87,2%	89,4%	HS học THCS là người dân tộc/ Dân số 11 - 14 tuổi là người dân tộc
Nam	65,1%	62,7%	51,5%	51,1%	60,5%	61,7%	HS nam THCS là người dân tộc/HS THCS là người dân tộc
Nữ	34,9%	37,3%	48,5%	48,9%	39,5%	38,3%	HS nữ THCS là người dân tộc/ HS học THCS là người dân tộc



Tỉ lệ lưu ban hàng năm ở cấp THCS của HS người DTTS dao động từ 0,7 đến 2,3%. Trong đó, tỉ lệ lưu ban của HS nữ DTTS thấp hơn HS nam DTTS. Mặc dầu cơ hội đến trường của các em nữ là thấp hơn các em nam. Thế nhưng, khi đi học thì các em nữ lại chăm học hơn các em nam và có kết quả học tập cao hơn các em nam.

Tỉ lệ bỏ học ở cấp THCS đối với HS DTTS qua các năm dao động từ 2,0% đến 2,9%. Tỉ lệ HS nữ bỏ học cao hơn HS nam. Nguyên nhân của tình trạng này đã được đề cập đến trong mục công bằng về giới ở trên.

Có thể nói, trong những năm gần đây, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Điện Biên đã có sự chuyển biến tích cực và đạt được nhiều thành tựu cả về quy mô và chất lượng. Quy mô giáo dục được quan tâm mở rộng; hệ thống trường lớp phát triển mạnh từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc trong tỉnh. Vấn đề công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục được quan tâm. Tỉnh đã có những chủ trương, chính sách cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết vấn đề công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục. Việc thực hiện các chủ trương, chính sách đó đã mang lại quyền và cơ hội học tập cho đại đa số nhân dân lao động trong tỉnh. Trước hết, đảm bảo cho đại bộ phận nhân dân trong độ tuổi đã được học tập đạt trình độ xóa mù chữ và phổ cập Tiểu học, từng bước phổ cập THCS đúng độ tuổi. Đồng thời, tạo cơ hội và những điều kiện cơ bản để việc học tập đạt được trình độ trên mức phổ cập cho mọi người. Trong đó, chú trọng đối tượng ở các khu vực đặc biệt khó khăn, các đối tượng là người DTTS, người nghèo và đối tượng chính sách xã hội.

Tuy nhiên đó mới chỉ là những kết quả bước đầu, làm tiền đề để Điện Biên tiếp tục những bước phát triển tiếp theo nhằm rút ngắn và tiến tới xóa bỏ khoảng cách bất công bằng về giới, bất công bằng giữa nông thôn và thành thị, xây dựng xã hội học tập tạo cơ hội để mọi người dân được tiếp cận giáo dục nói chung và giáo dục THCS nói riêng.

3. Kiến nghị

Để giảm bớt và từng bước xóa bỏ bất công bằng xã hội, tiến tới công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục THCS, giáo dục Điện Biên cần tập trung giải quyết tốt các điều kiện đảm bảo thực hiện công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục THCS cụ thể như sau:

- Tiếp tục củng cố hệ thống trường lớp ở vùng nông thôn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo nhu cầu dạy và học;

- Đa dạng hóa các loại hình trường lớp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh như: Phát triển các trường dân tộc nội trú, trường phổ thông bán trú, trường phổ thông nhiều cấp; phát

triển các điểm trường giải quyết các khó khăn về đi lại cho HS, trường gần nhà sẽ giúp cho việc đi học của trẻ giảm bớt khó khăn và rào cản khi tới trường tạo cơ hội cho tất cả mọi người đều được đến trường;

- Thực hiện chương trình, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm nhận thức và điều kiện học tập của HS dân tộc; khắc phục các "rào cản" về ngôn ngữ đối với HS dân tộc;

- Tổ chức tốt các hình thức giáo dục nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trước hết là dạy tiếng dân tộc, khôi phục, bảo tồn các di sản, các sinh hoạt văn hoá, các luật tục hay của đồng bào DTTS;

- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục, quan tâm đến đời sống của đội ngũ giáo viên ở các vùng dân tộc. Xem xét có chế độ phụ cấp cho giáo viên phụ trách điểm trường lẻ;

- Cần hỗ trợ đặc biệt để tạo điều kiện và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở những vùng miền khó khăn, như nhà công vụ, chính sách đào tạo bồi dưỡng giáo viên, đồng thời, có chế độ chính sách khuyến khích hỗ trợ cho giáo viên dạy ở các trường năng khiếu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Danh Bình (1998), *Đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục - Một yếu tố cơ bản đảm bảo nguyên tắc công bằng và tiến bộ nhằm phát triển xã hội*, Đề tài khoa học xã hội 03.06, Hà Nội.

2. Trần Thị Bích Liễu (2005), *Quản lí dựa vào nhà trường: Con đường nâng cao chất lượng và công bằng trong giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Đỗ Thị Bích Loan (2007), *Công bằng xã hội trong giáo dục - Thành tựu và những bài học kinh nghiệm sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 17, T.12.

SUMMARY

It can be said that in recent years, the cause of education and training in Dien Bien province has seen positive shifts and gained various important achievements both in terms of size and quality. The size of education has been expanded; the schools and classrooms have strongly developed, gradually meeting learning demands among ethnic minority children in the province. Particularly, the issue of social justice in education has received special attention. The author has presented the following contents: Social justice in educational access; Implementing social justice in educational access to lower secondary schools in Dien Bien province; and also suggested some recommendations in order to reduce and gradually eliminate social injustice toward achieving social justice in lower secondary schools in Dien Bien province.